

Vai trò của Tổng đốc Trương Minh Giảng trong củng cố hệ thống phòng thủ khu vực biên giới An - Hà (1833-1840)

Trần Thị Mai*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Trương Minh Giảng (1792-1841) là một công thần của triều Nguyễn. Ông được vua Minh Mạng bổ nhiệm làm Binh bộ Thượng thư, giữ chức Tổng đốc An - Hà, kiêm lĩnh Bảo hộ Chân Lạp quốc ấn từ tháng 8 năm Quý Tỵ (1833). Ông tiếp tục được giữ chức vụ Tổng đốc An - Hà, kiêm Trấn Tây tướng quân Bảo hộ Chân Lạp cho đến tháng 7 năm Canh Tý (1840).

Trong tám năm giữ trọng trách ở hai tỉnh trọng yếu thuộc biên giới Tây Nam của quốc gia và khu vực Trấn Tây thuộc Chân Lạp, Trương Minh Giảng đã đưa ra nhiều kiến nghị hợp lý, sáng tạo nhằm khôi phục, củng cố vững chắc hệ thống phòng thủ biên giới ở khu vực An Giang, Hà Tiên. Phương châm củng cố quốc phòng đi liền với an dân, mở mang sinh kế cho dân đã giúp ông hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị địa phương, trấn thủ biên cương và đại diện cho quyền lực chính trị của triều đình trung ương trong bang giao với Chân Lạp và Xiêm. Dấu ấn của Trương Minh Giảng đối với hệ thống phòng thủ biên giới không chỉ được triều đình nhà Nguyễn công nhận, vinh danh mà hậu thế mãi còn ngưỡng mộ.

Bằng tiếp cận lịch sử, vận dụng các phương pháp lịch sử và phương pháp logic, kết hợp phương pháp phân tích - tổng hợp, đánh giá lịch sử, bài viết này sẽ khai thác nguồn tư liệu từ các bộ sử lớn của triều Nguyễn, làm rõ các nội dung chính: (1) Những đề xuất củng cố vị thế khu vực An - Hà của Trương Minh Giảng; (2) Vai trò của Trương Minh Giảng trong củng cố hệ thống phòng thủ biên giới An - Hà giai đoạn 1833-1840; (3) Vai trò của Trương Minh Giảng trong ổn định thế trận an ninh - quốc phòng vùng biên giới An - Hà (1833-1840).

Từ khóa: Trương Minh Giảng, Tổng đốc An - Hà, phòng thủ biên giới An Giang - Hà Tiên

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Trần Thị Mai, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: tranthimai@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 19-09-2025
- Ngày sửa đổi: 21-10-2025
- Ngày chấp nhận: 25-05-2026
- Ngày đăng: 28-09-2026

DOI: <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i3.1247>



Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG-HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đảm nhận trọng trách ở hai tỉnh biên giới quan yếu của quốc gia, Trương Minh Giảng có được thuận lợi căn bản là sự tin tưởng của triều đình, đứng đầu là vua Minh Mạng và kinh nghiệm tích lũy trong quá trình làm việc ở triều đình. Từng kinh qua nhiều trọng trách ở ba bộ quan trọng của triều đình trung ương (Bộ Binh, Bộ Hình và Bộ Hộ), Trương Minh Giảng am hiểu tình hình đất nước, quan điểm và những quyết sách của triều đình đối với các lĩnh vực hoạt động của quốc gia. Điều này giúp ông có được cái nhìn toàn cục và tư duy hoạch định chính sách. Nhưng ông cũng đương diện với những thách thức rất phức tạp: An - Hà là những tỉnh biên giới nằm xa trung ương; dân cư chưa đông, đa dạng sắc tộc (Việt, Khmer, Hoa, Chăm, v.v.); là tiền đồn trong diễn biến tam giác tương tác quyền lực phức tạp Xiêm La - Việt Nam - Chân Lạp. Trước những thách thức đó, Trương Minh Giảng đã đối diện và giải quyết như thế nào? Quan điểm và tư duy hành động của ông ra sao để hoàn thành trọng trách được triều đình giao phó? Hệ thống phòng thủ biên giới ở khu vực An Giang - Hà Tiên đã hình thành và mang đặc điểm gì? Thế trận an ninh - quốc phòng

ở khu vực An - Hà trong những năm 1833-1840 định hình ra sao? Đó là những vấn đề thôi thúc chúng tôi tìm lời giải đáp. Khi đọc các bộ sử lớn của nhà Nguyễn biên soạn, chúng tôi phần nào hiểu được bối cảnh, môi trường hoạt động và những đóng góp của Trương Minh Giảng - một trí thức, một nhà quân sự và nhà quản trị bản lĩnh. Trong bài viết này chúng tôi muốn thảo luận sâu về vai trò của ông qua ba nội dung cụ thể: hành trạng của Tổng đốc An - Hà, quan điểm và tư duy hành động của ông thể hiện qua các đề xuất, kiến nghị về triều đình, vai trò của ông trong việc hình thành hệ thống phòng thủ biên giới ở khu vực An Giang - Hà Tiên.

NỘI DUNG CHÍNH

Trương Minh Giảng làm Tổng đốc An - Hà^a

Trương Minh Giảng (1792-1841) là con trai Lễ bộ Thượng thư Trương Minh Thành và bà Nguyễn Thị Diễm, quê ở làng Hanh Thông, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định. Có xuất thân và nền tảng học vấn tốt, ông bắt đầu tham gia quan trường từ năm 1821, dưới

^a An - Hà: An Giang và Hà Tiên.

Trích dẫn bài báo này: Mai T.T. **Vai trò của Tổng đốc Trương Minh Giảng trong củng cố hệ thống phòng thủ khu vực biên giới An - Hà (1833-1840)**. *VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit.* 2026;10(3):4117-4126.

triều Minh Mạng. Trong 20 năm giữ quan ngạch, ông từng kinh qua nhiều vị trí khác nhau^b và đều hoàn thành tốt, được vua Thiệu Trị đánh giá là “công trạng rõ rệt, khắc vào bia đá đặt ở Võ Miếu” và vua Tự Đức cho liệt vào thờ ở đền Hiến Lương trong kinh thành Huế [1, tr.441].

Tháng 5/1833, cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi ở Gia Định mở rộng ra toàn Nam Kỳ lục tỉnh. Các tướng lĩnh, quan lại của triều đình ở các tỉnh Nam Kỳ bị động không ngăn cản được quân của Khôi. Tháng 6/1833, Minh Mạng buộc phải điều động quân đội từ các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận đến Phiên An hiệp đồng tác chiến. Đồng thời, ba đạo quân dày dặn kinh nghiệm đàn áp các cuộc nổi dậy cùng tiến vào Gia Định dưới sự chỉ huy của Thự Hậu quân Đô thống phủ Chuồng phủ sự, Tháo nghịch hữu tướng quân Phan Văn Thúy và Thượng thư Bộ Hộ, Tham tán quân vụ đại thần Trương Minh Giảng. Trương Minh Giảng bắt đầu gắn bó với hoạt động binh nghiệp ở vùng đất Nam Kỳ từ đây cho đến cuối đời. Khi giao nhiệm vụ, vua Minh Mạng ban cho ông một thanh gươm vàng và lời dụ “Người còn ít tuổi nhưng ở kinh đã lâu, làm việc nhanh nhẹn đặc lực, ta vốn biết lắm. Nay ngươi nên nghĩ mưu trước để trừ lũ giặc tàn ác. Sau khi bình định rồi, lại nên phủ dụ dân chúng, củng cố biên cương, để được lâu dài khỏi phải ngoài lo về phương Nam nữa. Đó là công của nhà ngươi” [2, tr.598-599]. Nhận trọng trách, Trương Minh Giảng luôn gắng sức, hiệp đồng cùng các cánh quân đánh thắng nhiều trận, xiết chặt vòng vây chờ thời cơ tiêu diệt tàn quân Lê Văn Khôi đang cố thủ trong thành Phiên An.

Tháng 8 năm Quý Tỵ (1833), Minh Mạng cải bổ Trương Minh Giảng từ Hộ bộ Thượng thư sang Binh bộ Thượng thư, giữ chức Tổng đốc An - Hà, kiêm lĩnh Bảo hộ Chân Lạp quốc ấn thay cho Lê Đại Cương vừa bị cách chức trước đó [2, tr.719]. Tháng 1/1834, Trương Minh Giảng chỉ huy đánh quân Xiêm xâm lược ở mặt trận An Giang, giành thắng lợi oanh liệt

trong các trận Vàm Nao, Cổ Hũ, tiến lên đánh bại quân đội Xiêm, giải phóng Châu Đốc, Hà Tiên. Tiếp đó, ông cùng Bình Khẩu tướng quân Trần Văn Năng, Nguyễn Xuân truy kích quân Xiêm trên đất Chân Lạp, thu hồi Phnom Pênh, lập lại chính quyền cho vua Chân Lạp Ang Chan II. Uy tín của ông với triều đình lên cao từ sau những thắng lợi này. Tháng 3/1834, vua Minh Mạng luận công ban thưởng, tấn phong cho ông tước Bình Thành tử, thăng thụ Hiệp biện đại học sĩ, tiếp tục giữ chức Tổng đốc An - Hà, kiêm Bảo hộ Chân Lạp như cũ. Trương Minh Giảng đã giữ chức vụ này cho đến tháng 7 năm Canh Tý (1840) thì bị giáng chức do không kiểm soát được tình trạng phức tạp gây ra bởi các cuộc tấn công mở rộng của Xiêm và các cuộc nổi dậy của người Khmer ở Trấn Tây thành. Tổng đốc là chức quan đứng đầu cấp tỉnh trong hệ thống quan chức từ sau khi vua Minh Mạng tiến hành cải cách thống nhất bộ máy hành chính trên toàn cõi Việt Nam (1831-1832). Căn cứ vào địa lý, diện tích và dân cư, Minh Mạng gộp hai, ba tỉnh làm một hạt, đặt một Tổng đốc cai quản tất cả việc quân, dân của hạt mình quản lý. Giúp việc cho Tổng đốc có Tuần phủ, Bố chánh, Án sát, Lãnh binh, v.v. Theo đó, hai tỉnh An Giang và Hà Tiên được gộp làm một hạt.

An Giang và Hà Tiên là hai vị trí chiến lược trọng yếu của vùng Tây Nam Bộ Việt Nam. Hai tỉnh này giáp biên giới các tỉnh Tà Keo và Kam Pot của Chân Lạp (Campuchia)^c. Cho đến đầu thế kỷ XIX, dân cư vùng biên giới vẫn khá thưa thớt và tình trạng di dân tự phát khó kiểm soát dẫn đến sự phân định ranh giới địa lý giữa các quốc gia còn khá mơ hồ. An Giang còn là nơi đầu nguồn sông Mekong chảy vào Việt Nam và đổ ra biển theo hai nhánh Tiền Giang và Hậu Giang. Hà Tiên có lãnh hải nằm trong vịnh Xiêm La thông thương hệ thống cảng trong và ngoài khu vực. Mặc nhiên, An Giang, Hà Tiên vừa là vành đai biên giới Tây Nam trên đất liền và trên biển đảo, vừa là cửa ngõ thông thương quốc tế của Việt Nam ở phía Nam. Đồng thời, cũng là tuyến đường đi sứ của các sứ bộ Xiêm, Chân Lạp và Việt Nam. Vị thế địa chiến lược đặt An Giang và Hà Tiên trở nên đặc biệt quan trọng trong chiến lược quốc phòng an ninh và kinh tế của Việt Nam. Đầu triều Nguyễn, vua Gia Long đã từng khẳng định: “Châu Đốc, Hà Tiên bờ cõi chẳng kém Bắc Thành” [3, tr.946]. Đến thời Minh Mạng, nhà vua tiếp tục khẳng định: “Tỉnh An Giang là đất địa đầu xung yếu” [2, tr.370], “An Giang cùng Trấn Tây và Hà Tiên, đất giáp liền nhau, thực là địa đầu

^bNăm 1821 làm Tư vụ Ty Lại, năm 1824: Lang trung Bộ Binh, năm 1825: Thiêm sự Bộ Binh, năm 1826: Thự Thị lang Bộ Binh, tháng 5/1827: Hữu Thị lang Bộ Binh, tháng 7/1827: Tham gia giữ ấn triện Bộ Binh cùng Tham tri Nguyễn Công Tiệp và Thị lang Lê Văn Đức, tháng 5/1828: Tả Thị lang Bộ Binh, tháng 9/1828: Tả Thị lang Bộ Hình, tháng 3/1829: Thự Tả Tham tri Bộ Hình, tháng 5/1830: Tả Tham tri Bộ Hình, tháng 1/1831: Tả Tham tri Bộ Hộ, tháng 10/1831: Thự Thượng thư Bộ Hộ kiêm quản Khâm Thiên Giám, tháng 4/1832: Thượng thư Bộ Hộ, tháng 9/1832 Thượng thư Bộ Hộ quyền giữ ấn triện Viện Đô sát. Tháng 6/1833: Minh Mạng cử làm Tham tán quân vụ vào dẹp cuộc khởi binh Lê Văn Khôi. Tháng 8/1833: Thự Hiệp biện đại học sĩ, lĩnh Tổng đốc An - Hà, kiêm lĩnh Bảo hộ Chân Lạp quốc ấn. Tháng 1/1835 thăng Thự Đông các đại học sĩ, tước Bình Thành bá, gia hàm Thái tử Thái bảo, chức vụ như cũ. Tháng 5/1835, Minh Mạng lập trấn Tây Thành, phong Trương Minh Giảng làm Trấn Tây tướng quân, vẫn giữ Tổng đốc An - Hà, Lê Đại Cương đại thần cùng lo sắp đặt kinh lý các việc Chân Lạp (tổng hợp từ các nguồn [1], [2], [3]).

^cTrên bản đồ hiện nay, An Giang có đường biên giới đất liền khoảng 100km tiếp giáp trực tiếp với Chân Lạp. Còn Hà Tiên có gần 14km đường biên giới đất liền với Chân Lạp và 26km đường biên giới biển tiếp giáp với Chân Lạp và Xiêm trong vịnh Xiêm La. Đây đều là những tuyến biên giới mở do đặc điểm dân cư giữa các bên đã có quá trình cộng cư sinh sống và sản xuất lâu đời.

xung yếu” [4, tr.958]. Từ nhận thức về vị trí địa chiến lược của vùng biên thủy, vua Gia Long và Minh Mạng đã kiến thiết hệ thống phòng thủ gồm nhiều đồn bảo kiên cố nhất là đồn Châu Đốc. Đồng thời cho đào sông Vĩnh Tế (1819-1824) nối sông Hậu, một nhánh lớn của sông Mekong với sông Giang Thành ở Hà Tiên và đổ ra biển. Sự ra đời của các con kênh này đã vẽ lại bản đồ giao thương và quân sự của cả vùng hạ lưu Mekong. Sông Vĩnh Tế trở thành tuyến đường thủy trọng yếu, kết nối tất cả những trung tâm quan trọng thuộc nội thủy khu vực Nam Bộ với các Phnom Pênh, Bangkok theo đường sông Mekong, với biển Đông và hệ thống thương cảng trong vịnh Siam.

Xuất phát từ vị thế chiến lược của An - Hà, người đứng đầu hai địa phương này phải là người dày dặn kinh nghiệm quản lý, có năng lực và bản lĩnh quyết đoán về chính trị, quân sự, ngoại giao. Đây là những tư chất cần có để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị địa phương, trấn thủ biên cương và đại diện cho quyền lực chính trị của triều đình trung ương trong bang giao với Chân Lạp và Xiêm. Dưới thời vua Gia Long và trong những năm đầu thời Minh Mạng, vị trí này được giao cho Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại. Giữ chức vụ Thống Chế bảo hộ Chân Lạp, kiêm Án thủ Châu Đốc đồn, kiêm quản trấn Hà Tiên, Nguyễn Văn Thoại là người có công lao to lớn trong xây dựng hệ thống phòng thủ, giữ yên bờ cõi Tây Nam của Tổ quốc. Việc vua Minh Mạng bổ nhiệm Trương Minh Giảng làm Tổng đốc hai tỉnh An - Hà, kiêm lãnh Bảo hộ Chân Lạp cho thấy sự tín nhiệm và đánh giá cao của triều đình về năng lực và khả năng ứng biến linh hoạt của ông trong vai trò tướng quân miền biên cảnh.

Những đề xuất củng cố vị thế khu vực An - Hà của Trương Minh Giảng về triều đình

Nhận nhiệm vụ Tổng đốc An - Hà, Trương Minh Giảng có được thuận lợi căn bản là sự tin tưởng của triều đình, đứng đầu là vua Minh Mạng và kinh nghiệm tích lũy trong quá trình làm việc ở triều đình. Từng kinh qua nhiều trọng trách ở ba bộ quan trọng của triều đình trung ương (Bộ Binh, Bộ Hình và Bộ Hộ), Trương Minh Giảng am hiểu tình hình đất nước, quan điểm và những quyết sách của triều đình đối với các lĩnh vực hoạt động của quốc gia. Điều này giúp ông có được cái nhìn toàn cục và tư duy hoạch định chính sách. Nhưng ông cũng đương diện với những thách thức rất phức tạp: An - Hà là những tỉnh biên giới nằm xa trung ương; dân cư chưa đồng, đa dạng sắc tộc (Việt, Khmer, Hoa, Chăm, v.v.); là tiền đồn trong diễn biến tam giác tương tác quyền lực phức tạp Xiêm - Việt Nam - Chân Lạp.

Trong năm đầu làm Tổng đốc (tháng 3/1833 - tháng 3/1834), Trương Minh Giảng đốc toàn bộ tâm trí, sức

lực cho việc đánh dẹp lực lượng nổi dậy Lê Văn Khôi, tiếp đó là cuộc kháng chiến chống Xiêm trên mặt trận An Giang.

Thời gian tham gia chỉ huy đánh Xiêm ở Vàm Nao, Cổ Hủ và những trận đánh giành co thu hồi lại Châu Đốc, Hà Tiên giúp Trương Minh Giảng có cái nhìn thực tế về địa thế xung yếu của hai tỉnh An - Hà. Vì thế, từ tháng 4/1834, khi vẫn đang tiếp tục truy kích quân Xiêm trên đất Chân Lạp, giúp ổn định triều đình Chân Lạp, Trương Minh Giảng đã có kế hoạch cho công việc ổn định tình hình An - Hà sau chiến tranh. Ngay trong tháng 4/1834, ông đã gửi kiến nghị đầu tiên về triều đình xin được thành lập lực lượng cơ binh cho tỉnh An Giang để tự bảo vệ địa phương. Theo quan điểm của ông, An Giang là tỉnh mới lập^d, đất rộng, người ít, lại ở vào nơi xung yếu giữa hai ngã đường Hà Tiên - Nam Vang, binh lửa mới yên, thành trì chưa vững, công việc chính là lúc đương bận rộn, xin cho lính đồn điền khi trước đều là người Thổ trong hạt đồn thành đội ngũ, rút về cho tỉnh sai phái để tự phòng thủ. Vua Minh Mạng đã chuẩn y với lời dụ: “Đó cũng là việc cần kíp trước mắt. Cho làm theo điều thỉnh”. Người Thổ mà Trương Minh Giảng đề cập chính là các cộng đồng dân tộc ít người (Khmer, Chăm) vốn chiếm tỷ lệ cao ở địa phương, trong đó cộng đồng Chăm gồm nhóm Chăm Bà Ni và nhóm Chăm Hồi giáo được ưu tiên tuyển chọn (“Lựa lấy thổ binh người Chăm (dòng dõi Thuận Hóa), người Chà Và (dòng giống Chà Và cư trú đất Phiên)”. Cũng theo đề xuất của Trương Minh Giảng, vua Minh Mạng đã cho phép chiêu tập cơ binh An Biên, lấy 500 dân Phiên thuộc phủ Chân Chiêm sung vào [4, tr.134, 298]. Lý do họ là người tại chỗ, những người lính này am hiểu địa thế, thông thạo luồn lách, khả năng ứng biến nhanh khi có tình huống bất trắc xảy ra đe dọa đến chủ quyền và an ninh trên địa bàn. Đề xuất của Trương Minh Giảng đã đồng thời giải quyết được hai vấn đề cấp bách đặt ra đối với triều đình và địa phương An Giang: *một là*, gấp rút tăng cường lực lượng phòng thủ khu vực địa đầu biên giới, kịp thời ứng phó với các tình huống bất lợi từ bên ngoài vào. *Hai là*, củng cố khối đoàn kết giữa các cộng đồng cư dân (Việt, Khmer, Chăm, Hoa) tạo thế trận “quốc phòng toàn dân”, hình thành biên giới “mềm” trong xây dựng và bảo vệ khu vực biên viễn.

Cũng trong tháng 4/1834, ông kiến nghị triều đình thống nhất tên gọi và phiên chế các lực lượng vũ trang ở địa phương theo đội, mỗi đội 50 người tiền cho quân

^dNăm Minh Mạng thứ 13 (1832), tỉnh An Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất địa giới Châu Đốc tân cương với địa giới huyện Vĩnh An (trước thuộc Vĩnh Long), đặt làm hai phủ Tuy Biên và Tân Thành kiêm quản bốn huyện Tây Xuyên, Phong hú, Đông Xuyên và Vĩnh An [5, tr.184].

lý, điều động. Theo đó, các tên gọi Hùng nhất, Hùng nhị, Hùng tam, Thuyền nhất, Thuyền nhị, Thuyền tam được đổi gọi thống nhất là đội gắn với tên địa danh đồn trú, như đội Tần Châu, đội An Lạc, đội Châu Giang, v.v. [2, tr.381]. Hệ thống các trạm trên sông cũng tương tự: trạm Giang Định ở thôn Tần Đông đổi làm trạm Giang Đông, trạm Giang Lộc ở thôn Mỹ An đổi gọi trạm Giang Mỹ, trạm Giang Hòa ở thôn Tú Điểm đổi gọi trạm Giang Tú, v.v. Mỗi trạm cấp cho 100 lính trạm túc trực [4, tr.393-394]. Trong lịch sử, việc định lệ phiên chế, tên gọi thường có sự lặp lại phổ biến ở các quân thứ địa phương dẫn đến khó nhớ và phân biệt. Cái nhìn thực tiễn của Trương Minh Giảng rõ ràng không chỉ tiện lợi cho hoạt động quản lý mà việc định danh gắn với địa danh hành chính còn tạo sự gắn gũi với người dân, giúp định vị không gian, địa vực rõ ràng.

Tháng 7/1834, Trương Minh Giảng gửi bản tấu về triều đình kiến nghị kế hoạch bố trí lại các điểm xung yếu trong hệ thống phòng thủ trên bộ và trên sông ở An Giang. Cụ thể: sông Vĩnh Tế là tuyến đường thủy kết nối Châu Đốc - Hà Tiên phải đi qua một điểm thuộc thôn Vĩnh Tế, gần núi Sam, cách thành Châu Đốc 05 dặm là nơi rất xung yếu, xin cho đặt hai đồn ở hai bên bờ, sai dân Phiên ở Chân Chiêm coi giữ. Bờ đông sông Hậu xẽ thành Châu Đốc có thành Châu Giang cũng là nơi xung yếu xin sửa sang, sai quan quân canh giữ. Đặt thêm một đồn bên trái thành Châu Đốc, trên con đường dẫn lên thành, ngoài đồn đào hào sâu trên bắc cầu để đi lại, khi có giặc thì cắt cầu đi. Sửa đắp lại thành Châu Đốc kiên cố và thuận lợi hơn khi tác chiến. Những kiến nghị này được vua Minh Mạng chuẩn y và cho triển khai ngay. Các đồn sau khi hoàn thành được đặt tên theo các xã thôn ở gần đấy, gồm đồn Vĩnh Tế, đồn Vĩnh Ngươn và đồn Châu Phú [4, tr.271]. Đồn Châu Đốc được đắp từ năm 1816, có chức năng bảo vệ Châu Đốc tân cương và tuyến đường thủy Hậu Giang. Tháng 1/1834, cuộc xâm lược của Xiêm do hai tướng Chao Phraya Bodinthondech và Chao Phraya PhraKhlang chỉ huy tràn vào chiếm Châu Đốc làm đại bản doanh. Sau hơn một tháng, quân Xiêm bị đánh tan tác phải rút chạy sang Chân Lạp, nhưng đồn Châu Đốc đã bị quân Xiêm đốt phá, thiệt hại nặng. Đề xuất của Trương Minh Giảng là cấp thiết, nhằm khôi phục một trong những thành lũy quan trọng bậc nhất ở biên giới Tây Nam. Sau khi xây dựng lại, thành Châu Đốc trở thành thành tỉnh, trung tâm hành chính của An Giang. Trên địa phận tỉnh Hà Tiên, nhận thấy thành tỉnh Hà Tiên trống trải, khó khăn trong đối phó với các thế lực tấn công từ biển vào, ông kiến nghị sửa sang lũy đài Phù Dung và pháo đài Kim Dũ, cấp thêm đầu mỗ, tu bổ thuyền mạnh, bổ sung lính thú, v.v. cũng đều được Minh Mạng chuẩn

y và cho làm đúng như bản tấu [4, tr.299]. Tính hỗ trợ, kết nối liên hoàn, hiệu quả của hệ thống phòng thủ trên biên giới đất liền và biên giới biển đảo vì thế được thắt chặt, tạo thành hệ thống phòng thủ nhiều lớp.

Sang năm 1835, Trương Minh Giảng tiếp tục đề xuất bố trí lại hệ thống thủ sở trong tỉnh An Giang. Sáu thủ sở ở nơi cửa khẩu xung yếu gồm Tần Châu, An Lạc trên sông Tiền, Chu Giang, Cường Thắng, Trấn Di trên sông Hậu và Mỹ Thanh là một cửa của sông Hậu đổ ra biển tiếp tục đặt như cũ. Năm thủ sở (Cường Thành, Cường Uy, Thuận Phiếm, Vĩnh Hùng, Trấn Giang) nằm trong khu vực dân cư đông đúc, an ninh, không cần duy trì nữa nên bỏ bớt. Vua Minh Mạng cho là rất phải, nên theo [4, tr.654].

Hà Tiên là hạt có đường biên giới tiếp giáp trực tiếp với Chân Lạp, tình trạng dân cư Việt, Chân Lạp cư trú xen cài ở vùng biên, cộng với yếu tố mở của vùng biển đảo, yêu cầu nắm bắt mọi động tĩnh từ xa là bức thiết. Trương Minh Giảng cùng Tuần phủ An Giang Lê Đại Cương, Tuần phủ Hà Tiên Trần Chấn đã gửi tấu chương về triều đình xin mộ lính, lập đội tuần tiễu. Vua Minh Mạng chuẩn tấu. Kết quả, tại An Giang được lập một đội tuần thành, tại Hà Tiên nhà vua lệnh cho Tướng quân, Tham tán ở Gia Định liệu phái lính Kinh hay lính các tỉnh từ Bình Thuận trở ra Bắc cho đủ một vệ 500 người để đi tuần thú Hà Tiên [2, tr.299]. Đề xuất này mang tính thực tiễn rất cao, bởi Xiêm vẫn nuôi tham vọng “Đông tiến”, thế lực Khmer thân Xiêm thường quấy rối vùng biên. Hoạt động của các đội tuần tra giúp theo dõi, nắm vững động tĩnh biên giới, kịp thời ứng phó trước những diễn biến bất lợi trong khu vực. Thể hiện tư duy phòng thủ tích cực, chủ động từ xa rất hợp lý của Trương Minh Giảng và đội ngũ quan lại ở địa phương.

Về trang bị khí tài cho quân đội, ông tham mưu cho Đốc biện An - Hà là Đặng Chương gửi tấu chương xin triều đình tăng cường thêm khí giới cho các đồn, trại, thuyền. Cụ thể, đồn Châu Đốc đặt 27 cỗ súng lớn, đồn Châu Phú 04 cỗ, đồn Vĩnh Tế, Vĩnh Ngươn đều 02 cỗ, thủ Châu Giang 08 cỗ. Thuyền Hải đạo 05 chiếc, mỗi chiếc trang bị 01 cỗ súng lớn, 06 cỗ súng quá sơn. Thuyền Ô, thuyền Lê, thuyền Chu 22 chiếc, mỗi chiếc 03 cỗ súng quá sơn. Các loại súng lớn đại xa, luân xa, phách sơn người Chân Lạp mỗi cỗ 100 viên đạn dự trữ, súng quá sơn mỗi cỗ 200 viên đạn dự trữ. Nếu thiếu, xin quân thứ Gia Định cấp cho đủ dùng. Vua Minh Mạng chuẩn cấp như đề xuất [4, tr.382]. Như vậy, cùng với các loại binh khí cổ truyền (thương, kiếm, v.v.), vùng biên giới được bổ sung thêm các khí tài hiện đại đủ dùng, tăng tính phòng vệ, răn đe.

Về phép duyệt tuyến, Trương Minh Giảng kiến nghị triều đình căn cứ vào số dinh ở địa phương, tính đồ

đồng cứ 05 đình tuyển 01 lính (thôn xã nào có 04 đình cũng lựa lấy 01 lính, còn 03 đình thì miễn). Phép này được vua phê chuẩn, sau cũng áp dụng tương tự với Hà Tiên. Vua Minh Mạng còn dụ thêm việc duyệt tuyển binh lính “cốt nên dụ bảo nhân dân trong hạt, khiến lòng người được êm thấm, số binh thường đủ. Đó là điều cốt yếu. Còn hai huyện Hà Châu và Kiên Giang thì do quan tỉnh chuyển sức cho huyện viên phải gia tâm vỗ vể, yên ủi, hạn trong một năm phải an cư lạc nghiệp, tức thì chiếu theo lệ mà lựa chấm lấy lính” [4, tr.392]. Đề xuất này giúp đảm bảo có đủ binh lính cho hoạt động phòng thủ, tuần tiễu và sẵn sàng tác chiến khi cần, vừa đảm bảo nguồn lực cho hoạt động sản xuất của địa phương.

Củng cố quốc phòng đi liền với an dân, mở mang sinh kế cho dân là kế sách hay của người xưa. Theo đó, Trương Minh Giảng tích cực chiêu mộ dân đến vùng An - Hà khẩn hoang, lập làng, xin triều đình cho đưa người Chăm từ biên giới Chân Lạp đến định cư lâu dài. Cuối năm 1834, thấy tình hình biên giới tạm yên, Trương Minh Giảng gửi tấu xin cho tạm bỏ lệnh cấm tư nhân chuyên chở gạo muối sang Chân Lạp, đồng thời đề xuất căn cứ trọng tải thuyền để thu thuế. Vua Minh Mạng đồng ý, tháng 4/1835 đã ban dụ bỏ lệnh cấm buôn gạo, muối sang Chân Lạp [4, tr.421, 600]. Đối với thuyền buôn của người Thanh ra vào cảng Hà Tiên và cửa Cần Bột thuộc phủ Quảng Biên, ông đề xuất phải kiểm soát chặt để tránh tình trạng ẩn lậu nhập cư và trốn thuế, vua y cho. Lại đề xuất xin lấy dân Vĩnh Long, Định Tường và An Giang sửa đắp thành An Giang, mở cảng mới ở An Giang nhưng vua Minh Mạng cho rằng chưa phải việc cần kíp, chưa vội làm [4, tr.430].

Đối với vấn đề trị an, làm lợi cho dân, năm 1836, Trương Minh Giảng cùng Trương Đăng Quế nhân thực thi nhiệm vụ đặc điển do triều đình giao đã đưa ra sáng kiến quản lý thuyền bè của cá nhân đi lại trên sông, khắc phục nạn thuyền lậu, trộm cướp. Tất cả thuyền cũ, mới đều phải được cấp bài chí (thẻ bài) cắm ở mũi thuyền, ghi khắc tên xã, thôn. Mũi thuyền dùng sơn để phân biệt thuyền thuộc địa phương nào để tiện quản lý^e. Thiết lập các đồn xích hậu chuyên làm nhiệm vụ tuần tra trên sông, tra xét những kẻ giả mạo, cường đạo [4, tr.945].

“Thực túc, binh cường”, để đủ thóc gạo nuôi quân và ổn định lòng người, Trương Minh Giảng đề xuất với triều đình xây dựng và củng cố lại các kho lương. Nhờ đó, các kho Đốc tín, Vĩnh Viễn được dựng ở Châu Đốc để thu tô thuế của hai huyện Vĩnh Định, Vĩnh An

sung làm quân lương, cử một đội 50 người để quản việc thu chi. Căn cứ thực tế nguồn lương thực nuôi quân chi dùng trong hạt và cung ứng cho Trấn Tây thành rất lớn, nhân vụ mùa năm 1836 trúng lớn, ông đề xuất với vua Minh Mạng cho đặt giá cao thêm để mua chứa vào kho cho đầy đủ [4, tr.900].

Hạt An - Hà sau cuộc chiến chống Xiêm năm 1834 chịu nhiều thiệt hại nặng nề, cạnh tranh quyền lực giữa Xiêm và Đại Nam vẫn diễn biến căng thẳng trên “vùng đệm” Chân Lạp. Những đề xuất, kiến nghị của Trương Minh Giảng trong vai trò Tổng đốc An - Hà, kiêm Bảo hộ Chân Lạp đều tập trung vào củng cố quốc phòng, an ninh biên giới, vỗ vể dân địa phương. Nội dung của đề xuất phù hợp với thực tiễn, kiến nghị toát lên tinh thần trách nhiệm cao hướng vào mục tiêu ổn định cuộc sống người dân sau chiến tranh, tăng cường hệ thống phòng thủ biên giới. Đồng thời, đề xuất này thể hiện tư tưởng chủ động phòng thủ kết hợp giữa quân sự mạnh, hành chính dân cư ổn định và phát huy lợi thế địa lý đặc thù của vùng biên giới. Nhân quan và tư duy nhạy bén, sắc sảo, tính thực tiễn quyết đoán của Trương Minh Giảng đã giúp triều đình, nhất là vua Minh Mạng, đưa ra những quyết định phù hợp, kịp thời để ổn định và tăng cường kinh tế, quốc phòng và đời sống người dân ở vùng trọng yếu của quốc gia.

Vai trò của Trương Minh Giảng trong củng cố hệ thống phòng thủ quân sự trên vùng biên giới An - Hà (1833-1840)

Hệ thống phòng thủ quân sự trên vùng biên giới Hà Tiên đã hình thành từ khi Mạc Cửu khai phá đất Hà Tiên cuối thế kỷ XVII, tiếp tục được tăng cường từ đầu thế kỷ XVIII khi họ Mạc đem đất Hà Tiên thần phục chúa Nguyễn. Hệ thống phòng thủ ở đất An Giang cũng bắt đầu được xây dựng ở nửa sau thế kỷ XVIII khi chúa Nguyễn thành lập Tân Châu đạo, Châu Đốc đạo và Đông Khẩu đạo. Đầu triều Nguyễn, vua Gia Long đặc biệt quan tâm đến mục tiêu quản lý và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia, nên đốc thúc vẽ bản đồ, điều binh, đặt đồn bảo để giữ gìn bờ cõi. Theo quy định của triều đình, ở các cửa quan, tấn, đồn, thủ đều đặt các chức quan chuyên trách cùng binh đồng cất phiên canh gác.

Tuy nhiên, hệ thống này đã bị phá hủy nghiêm trọng trong cuộc tấn công xâm lược của Xiêm vào tháng 1/1834. Mặt khác, hệ thống phòng thủ được xây dựng trước đó cũng đã bộc lộ nhiều hạn chế bất cập cả về bố trí lẫn trang bị khí tài. Đây là nguyên nhân Trương Minh Giảng đã có nhiều bản tấu gửi về triều đình xin được điều chỉnh và được vua Minh Mạng rất ủng hộ. Sự gặp gỡ, thống nhất về quan điểm giữa triều đình,

^eThuyền thuộc tỉnh Gia Định sơn tuyến màu đỏ, Biên Hòa màu đỏ ngoài viền màu đen, Vĩnh Long mũi thuyền sơn tuyến màu đen, Định Tường sơn màu đen ngoài viền hồng, Trấn Tây và An Giang sơn màu lục, Hà Tiên cũng sơn màu lục ngoài viền màu đỏ.

trên hết là nhà vua và đội ngũ quan lại địa phương, đứng đầu là Trương Minh Giảng, là điều kiện tiên quyết cho thành công trong củng cố, tăng cường sức mạnh tuyến phòng thủ biên giới An - Hà trên cả đất liền và hải đảo.

Hệ thống phòng thủ trên đất liền

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng đốc Trương Minh Giảng và đội ngũ Tuần phủ, Bố chính, Án sát, Lãnh binh, v.v. hai tỉnh An Giang và Hà Tiên, công cuộc xây dựng, sửa sang hệ thống phòng thủ trên đất liền được triển khai sớm và tích cực. Các đồn bảo được xây, sửa, gia cố trong giai đoạn 1834-1840 gồm: Năm 1834, xây lại đồn Châu Đốc kiên cố theo mô hình bát quái kết hợp kiến trúc Vauban, trang bị các cỗ súng có sức công phá lớn; xây thêm các đồn Vĩnh Tế, Vĩnh Ngươn, Châu Phú tạo thế ỷ dốc với đồn Châu Đốc, kiểm soát hiệu quả vùng biên; xây thành tỉnh Hà Tiên kiên cố (đồn Trấn Biên) đủ sức kiểm soát vùng cửa biển Hà Tiên; xây các thành huyện An Biên, Quảng Biên và Khai Biên kết nối với thành tỉnh Hà Tiên tạo thành vành đai kiểm soát sâu đến biên giới Chân Lạp. Năm 1835, sửa đắp lại các bảo An Lạc, Chu Gi-ang, Cường Thắng, Trấn Di, Mỹ Thanh nhằm kiểm soát hiệu quả các hoạt động trên sông Tiền và sông Hậu. Năm 1837, sửa bảo Tân Châu, xây đắp thành Ba Xuyên nhằm tăng cường sức mạnh và tính linh hoạt trên vành đai biên giới. Năm 1839, xây mới thành huyện Hà Dương, thành huyện An Xuyên hỗ trợ các hoạt động hành chính, an dân. Năm 1840, xây bảo Tiên Nông, Vĩnh Thông, Vĩnh Gia, Vĩnh Điều tạo nên chuỗi kết nối giao thông, giang trạm trên đường sông [5, tr.12, 29, 192-194, 218]. Hệ thống đồn, bảo được sửa chữa, xây mới đều bố trí tập trung ở khu vực dọc theo biên giới Đại Nam - Chân Lạp bắt đầu từ ngã ba sông Châu Đốc - sông Bình Di chạy song song trực kênh Vĩnh Tế thẳng đến Vĩnh Điều (Giang Thành, Hà Tiên), tạo thế liên thủ giữa đồn, bảo và sông Vĩnh Tế. Hỗ trợ đắc lực là hệ thống bảo, thủ đặt trên các trục sông và các cửa sông. Đây chính là tuyến phòng thủ thủy, bộ liên hoàn vững chắc bảo vệ biên giới trên đất liền. Điểm mới trong nhân quan phòng thủ của Trương Minh Giảng là đã kết nối hệ thống đồn, bảo và sông Vĩnh Tế ở biên giới với hệ thống bảo, tấn, thủ bố trí dọc theo sông Hậu, sông Tiền, sông Vàm Nao và sông Giang Thành. Ông mạnh dạn đề xuất bỏ bớt những bảo, thủ nằm sâu trong nội địa, dời một số bảo thủ đến địa điểm sát biên giới (thủ Chiến Sai, thủ Hồng Ngự). Các công trình này vừa đóng vai trò phòng thủ quân sự, vừa là các trung tâm hành chính hoặc cửa quan thu thuế của chính quyền. Tính chất tích hợp quân sự - hành chính - kinh tế là một mô

hình quản trị độc đáo của nhà Nguyễn nói chung, Trương Minh Giảng nói riêng ở vùng biên thủy trong hoạt động xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Đặc điểm của hệ thống phòng thủ này là chốt chặn ở những vị trí "hiểm yếu" có ảnh hưởng trực tiếp đến an nguy chủ quyền lãnh thổ; mật độ khá dày để sẵn sàng tiếp ứng cho nhau; vừa đảm bảo diện rộng vừa đảm bảo chiều sâu; quan hệ mật thiết với chiến lược phòng thủ từ xa trên đất bảo hộ Chân Lạp của nhà Nguyễn. Đây là điểm mới trong quan điểm phòng thủ biên giới của nhà Nguyễn ở khu vực Tây Nam Bộ, có đóng góp không nhỏ của Trương Minh Giảng.

Theo quy định của triều đình và triển khai các kiến nghị của Trương Minh Giảng, lực lượng quân đội bố trí ở An Giang, Hà Tiên gồm quân đội chính quy và lực lượng dự bị (hương đồng), trong đó, số lượng binh lính là người tại chỗ khá đông. Vào thời điểm cuối năm 1834, số lượng quân lính biên chế ở An Giang gồm 2.860 người, đồn thành 06 cơ (trong đó 05 cơ có 10 đội và 01 cơ có 05 đội). Ở Hà Tiên có các cơ Hà Phú, Phú Cường, Hà Tiên (phiên chế mỗi cơ khoảng 500 người). Vua Minh Mạng còn cho rằng tỉnh An Giang, tỉnh Hà Tiên và đồn An Man ở Nam Vang đều là chỗ đất xung yếu, khác với các hạt khác, nên sai Trương Minh Giảng triệu mộ 10 đội lính, đặt ở Phú man; 03 đội đặt ở An Giang gọi là cơ Định giang; 04 đội đặt ở Hà Tiên, gọi là cơ Bình hải [2, tr.373]. Đây là một thay đổi đáng kể về quy mô lực lượng đồn trú ở An - Hà của triều đình Huế. Vào đầu năm 1834, khi quân Xiêm tận dụng yếu tố bất ngờ và dựa vào binh lực hùng hậu đã dễ dàng đánh chiếm Hà Tiên và Châu Đốc chỉ bằng một trận tấn công. Nguyên nhân chính là lực lượng đồn trú tại các điểm xung yếu này quá mỏng (Hà Tiên chỉ hơn 300 quân, Châu Đốc 500 quân). Sự sửa sai này còn xuất phát từ quan hệ Đại Nam - Xiêm La đã đóng băng từ sau cuộc xâm lược của Xiêm và cạnh tranh địa chính trị giữa hai nước đang bị đẩy lên cao, nhất là trên đất Chân Lạp. Để nâng cao khả năng tác chiến cơ động ở vùng sông nước, Trương Minh Giảng đã kiến nghị và được triều đình phê chuẩn cho quân binh đóng giữ ở An Giang phải xuống thuyền, diễn tập thủy chiến [3, tr.421]. Đồng thời, kiến nghị của ông về trang bị khí tài đủ mạnh cho hệ thống phòng thủ ở An - Hà được triều đình phê duyệt (đã nêu ở trên) giúp hoạt động phòng thủ thêm hiệu quả.

Do đặc thù vùng sông nước, việc di chuyển quân ở quân thứ An Giang, Hà Tiên và Nam Vang trước đây chủ yếu vẫn dùng đường thủy. Nhưng đường thủy quanh co, lại thêm ngược dòng không thể đi nhanh. Theo lệnh của vua Minh Mạng, Trương Minh Giảng cùng Lê Đại Cương đã đốc thúc người đi khảo sát, ước lượng đường xá xa gần, vẽ thành bản đồ dâng lên. Sau khảo sát, Trương Minh Giảng đã huy động dân phu

mở một con đường từ Sóc Cù đến Quảng Biên, đặt 05 trạm, lấy dân địa phương làm phu trạm. Một đường từ lũy Phù Dung ở Hà Tiên đến An Giang sang Nam Vang dài 33.194 trượng^f, chia đặt 12 trạm; từ Sóc Cù đến đồn Quảng Biên dài 15.193 trượng, đặt 05 trạm, mặt đường đều rộng 02 trượng [4, tr.228]. Hệ thống đường bộ kết nối các tỉnh Nam Kỳ cũng được nhanh chóng xây dựng trong thời kỳ này. Năm 1835, theo chỉ dụ của Minh Mạng, Tổng đốc các tỉnh Nam Kỳ đã khởi công xây dựng các trục lộ kết nối Gia Định - Biên Hòa, Gia Định - Định Tường - Vĩnh Long - An Giang, An Giang - Hà Tiên và An Giang - Trấn Tây để tiện đường quan báo. Kết quả là: Tại An Giang đã hoàn thành một trục lộ kết nối từ trạm Giang Phúc, thành Châu Đốc đến cuối địa giới Vĩnh Long dài hơn 25.800 trượng; một trục lộ kết nối từ trạm Giang Phúc đến địa đầu Hà Tiên dài hơn 14.500 trượng; một trục lộ từ bờ sông Vĩnh Tế đến thành Trấn Tây dài hơn 14.900 trượng. Tại Hà Tiên, hoàn thành trục lộ kết nối từ cuối địa giới An Giang đến trạm Phù Dung dài 7.000 trượng [4, tr.744-745]. Lần đầu tiên, hệ thống đường bộ đã liên lạc từ Gia Định đi qua tất cả các tỉnh Tây Nam Kỳ sang đến Nam Vang, việc chuyển quân, quan báo, đi lại và vận tải của dân đều thuận tiện. Đóng góp của Trương Minh Giảng cho công trình này là không nhỏ.

Hệ thống phòng thủ trên biển đảo

Vị thế mở hướng ra biển, có nhiều đảo, quần đảo ngoài khơi của Hà Tiên vừa là lợi thế, vừa là thách thức trong khai thác kinh tế và bảo vệ chủ quyền của Đại Nam. Từ thế kỷ XVII, Hà Tiên luôn phải đối phó với các cuộc tấn công xâm lược của phong kiến Xiêm và các hoạt động tấn công tàu thuyền qua lại trên biển của các toán cướp biển. Cuộc tấn công xâm lược quy mô lớn của Xiêm vào đầu năm 1834 đã tàn phá nghiêm trọng Hà Tiên. Ngay sau khi đánh đuổi quân Xiêm, thu hồi lại Hà Tiên, Tổng đốc Trương Minh Giảng và Thự Tuấn phủ Hà Tiên đã bắt tay khôi phục vùng thương cảng tiềm năng này. Công việc đầu tiên là xây dựng thành tỉnh Hà Tiên và các thành huyện An Biên, Quảng Biên, Khai Biên. Trong đó, thành tỉnh Hà Tiên (đồn Trấn Biên) là công trình trọng điểm, dùng làm nơi đóng trọng binh, khống chế cả đường thủy, đường bộ. Lực lượng quân đội luôn duy trì tại tỉnh thành khoảng 500 quân. Phía trước thành xây thêm rào chắn kiên cố gồm pháo đài Kim Dữ và trường lũy Phù Dung [4, tr.165]. Cụm phòng thủ Trấn Biên - Kim Dữ - Phù Dung - An Biên - Quảng Biên - Khai Biên trở thành phòng tuyến quan trọng bảo vệ vùng biên giới giáp Chân Lạp và khống chế các cuộc tấn

công từ biển vào. Các đồn, lũy đều được trang bị các cổ đại luân xa, từ năm 1835 tăng cường thêm các cổ phách sơn, quả sơn là các pháo lớn có khả năng bắn cao, bắn xa [5, tr.28].

Cũng trong năm 1834, bảo đài Phù Anh và lũy Phù Anh được xây dựng trên ngọn núi cùng tên, đặt 50 biển binh đóng giữ nhằm tăng cường khả năng quan sát từ xa và tính hiệp đồng với pháo đài Kim Dữ. Phía hữu sông Vĩnh Tế thuộc huyện Hà Châu, bảo Giang Thành cũng được đắp [6, tr.409]. Năm 1837, các bảo cũ (Tam Giang, Kỳ Giang, Kinh Hào) và các bảo mới đắp đều được trang bị mỗi nơi 05 khẩu súng thạch cơ điều sang để phòng vệ [6, tr.533]. Khi trục lộ từ trạm Phù Dung đến thành phủ Quảng Biên hoàn thành, đồn Thổ Sơn cũng được đắp, làm nhiệm vụ trong thì che chắn cho tỉnh thành, ngoài thì tiếp ứng cho phủ Quảng Biên [7, tr.95].

Bài học từ các cuộc chiến chống ngoại xâm và cướp biển là cơ sở để Trương Minh Giảng cùng các quan tỉnh thành Hà Tiên nhận thức sâu sắc về sự cần kíp tăng cường hệ thống phòng thủ, bảo vệ biên giới. Phối hợp với các đồn bảo được triều đình cho xây dựng ở ngoài khơi như đồn Phú Quốc (được xây dựng năm 1833, tăng cường thêm hỏa lực năm 1835), đồn Hàm Ninh, hệ thống phòng thủ ven biển được chú trọng xây dựng và trang bị vũ khí đã gia tăng khả năng phòng thủ chủ động cho tỉnh Hà Tiên nói riêng, vùng biển đảo Tây Nam Bộ nói chung. Đặc biệt, sự kết nối hệ thống đồn, bảo, hào lũy trên sông và các trục lộ giữa Hà Tiên với An Giang và Nam Vang không chỉ phát huy thế trận phòng thủ mà còn thúc đẩy giao thương, mở mang kinh tế cho toàn khu vực biên giới Tây Nam.

Góp phần ổn định thế trận an ninh - quốc phòng vùng biên giới An - Hà (1833-1840)

Trong giai đoạn giữ chức Tổng đốc An - Hà, kiêm Trấn Tây Tướng quân, Bảo hộ Chân Lạp, phần lớn thời gian Trương Minh Giảng sống và làm việc ở Trấn Tây thành. Song, điều đó không làm ông sao nhãng công việc ở hai tỉnh An Giang, Hà Tiên. Với trọng trách của người đứng đầu, bên cạnh những nỗ lực củng cố hệ thống phòng thủ biên giới, ông dành tâm huyết quan tâm đến việc di dân khẩn hoang, sắp đặt hành chính, khuyến khích các hoạt động kinh tế, văn hóa.

Theo *Đại Nam thực lục*, năm 1830, vùng An Giang nhìn chung còn khá thưa dân, địa lợi chưa khai khẩn được bao nhiêu, chỉ mới lập được 41 xã thôn, phường với hơn 800 đình. Sau khi đánh đuổi quân Xiêm, thu hồi lại Châu Đốc, Trương Minh Giảng đã chiêu tập người Chăm, người Khmer, người Hoa tỵ nạn, cho họ định cư ở Châu Đốc và quanh các đồn binh và hai

^f1 trượng là 4,7m.

bên bờ sông Hậu, sông Bình Di. Những nhóm lưu dân chia nhau khẩn hoang, lập làng, lập phố chợ buôn bán, làm đồ gốm, trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải, v.v. Ông cùng các quan đầu tỉnh còn chiêu mộ được 108 người nhà Thanh lập làm hộ nhựt trám và hộ dầu rái, 35 người lập làm hộ diêm tiêu [3, tr.815]. Ở Hà Tiên, dân nghèo ở hai huyện Kiên Giang, Hà Châu cũng được cấp cho trâu cày, đồ làm ruộng và thóc giống để khai khẩn. Đầu năm 1840, nhân triều đình giải thể huyện Chân Thành (thuộc Trấn Tây thành), Hà Tiên được lập thêm hai huyện mới là Hà Âm và Hà Dương. Huyện Hà Âm nằm ở tả ngạn sông Vĩnh Tế, số đinh hơn 1.040 người, điền thổ hơn 1.150 mẫu; huyện Hà Dương nằm ở hữu ngạn Vĩnh Tế, số đinh hơn 1.480 người, điền thổ hơn 2.080 mẫu [7, tr.617-618]. Dân cư đông đúc, xã thôn gia tăng là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển, gia tăng cấu trúc “mềm” trong chiến lược phòng thủ biên giới. Tính cố kết cộng đồng, giao thoa văn hóa trên vùng đất mới giữa các cộng đồng cư dân thêm bền chặt, làm đậm thêm tính đặc thù của vùng đất biên cương.

Năm 1836, Trương Minh Giảng tham gia cùng đoàn Trương Đăng Quế làm nhiệm vụ đo đạc ruộng đất ở 06 tỉnh Nam Kỳ. Công việc hoàn thành, Trương Đăng Quế và Trương Minh Giảng được vua Minh Mạng đánh giá rất cao, ban thưởng hậu. Từ kết quả đặc biệt, nhóm công tác đã nhìn ra nhiều bất cập trong vấn đề sở hữu ruộng đất, nên đã đề xuất nhà vua chuẩn cho các tỉnh Nam Kỳ căn cứ vào số ruộng đất, lập thành sổ địa bạ, khuyến khích dân về địa phương nhận ruộng cày cấy và cư trú. Những nơi rừng rú, gò đồng bỏ hoang mà có thể cày cấy được thì chiêu dân lập ấp, làm sổ địa bạ để họ được yên cư [6, tr.984]. Người dân tham gia khẩn hoang, lập làng được triều đình dành cho nhiều ân điển. Phàm những ruộng đất, sản vật có tương quan mật thiết với sức người, sức của của nhân dân, phải được giảm nhẹ sắc thuế để biểu thị một nền chính trị khoan hồng, quảng đại của triều đình. An - Hà là vùng biên giới luôn tiềm ẩn bất ổn từ các thế lực ngoại xâm, cướp biển, lại là vùng sơn địa thiếu nước ngọt cho sản xuất, sinh hoạt. Cũng như vị tiền nhiệm Nguyễn Văn Thoại, Trương Minh Giảng cho khơi thêm sông Châu Đốc, Giang Thành, đốc sức chiêu mộ dân các hạng đến ở cho đông. Đó cũng chính là kế sách phủ dụ, nâng niu vùng biên thủy [7, tr.350-351]. Kết quả, vùng An Giang đã khai khẩn thêm được 33.000 mẫu ruộng, số xã, thôn, phường tăng lên 91 đơn vị. Riêng phủ Ba Xuyên, sau khi chiêu mộ những đình lậu lập thành thôn, ấp, số đinh đã tăng hơn 80 người, số ruộng hơn 170 mẫu, xét thấy việc sinh kế của dân chưa được đầy đủ, các quan tỉnh tâu xin triều đình sau ba năm mới thu thuế lệ, vua y cho. Đối với các phum, sóc của người Khmer, triều

Nguyễn cấm dân Việt tranh chiếm điền thổ, ruộng 09 năm mới thu thuế một lần.

An - Hà là nơi lực lượng binh lính tập trung đông, Trương Minh Giảng theo sách người xưa “tĩnh vi nông, động vi binh” phiên chế họ thành các đội luân phiên huấn luyện và tham gia trực tiếp sản xuất. Ở Hà Tiên, ngoài việc đốc thúc binh lính làm đồn điền tự túc thêm lương thực, các thửa ruộng quan điền cũng được cấp cho binh lính cơ Hà Tiên cày. Binh lính đồn Chu Nham luân phiên 50 người giữ đồn, 100 người tham gia cày ruộng ở thôn Bình An, xã Mỹ Đức, năm 1836 đo được 75 mẫu [3, tr.984]. Đầu năm 1840, tỉnh An Giang báo về triều, biển binh khẩn ruộng ở sau tỉnh thành, cộng được 770 mẫu, thu được 9.000 hộc thóc. Vua chuẩn thưởng cho 600 quan tiền [7, tr.664]. Cùng cố hệ thống phòng thủ gắn với chiến lược an dân là giải pháp tối ưu đảm bảo quốc phòng an ninh vùng biên giới. Sự gia tăng xã, thôn, phường, ấp đồng nghĩa với mật độ tập trung dân cư cao ở vùng biên giới giúp các thiết chế xã hội vùng biên thêm bền chặt. Đây là điều kiện thuận lợi thúc đẩy các hoạt động kinh tế phát triển. Mối quan hệ giữa quân đội và nhân dân càng gắn bó keo sơn. Trong vai trò nhạc trưởng, Tổng đốc Trương Minh Giảng đã góp phần quan trọng tạo nên thế trận an ninh - quốc phòng vùng biên giới An - Hà vững chắc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Có thể xem đóng góp của Trương Minh Giảng vào mục tiêu củng cố thế trận quốc phòng an ninh đã góp phần tạo nên “biên giới mềm”, “biên cương di động” với sự tham gia của các cộng đồng dân cư dọc biên giới; từ đó để lại bài học quý báu về củng cố vùng biên không chỉ dựa vào ranh giới địa lý mà quan trọng hơn là quản lý không gian được cấu trúc thông qua năng lực kiểm soát thực tế của chính quyền và người dân tại chỗ.

KẾT LUẬN

Là đại thần được Minh Mạng tin cậy, sủng ái, Trương Minh Giảng không phụ đạo “quân - thần” dốc lòng vì vua, vì nước xông pha nơi biên viễn. Lời dụ của nhà vua “...người nên nghĩ mưu trước để trừ lũ giặc tàn ác. Sau khi bình định rồi, lại nên phủ dụ dân chúng, củng cố biên cương, để được lâu dài khỏi phải ngoài lo về phương Nam nữa. Đó là công của nhà ngươi” [2, tr.598-599] đã theo ông suốt 08 năm đảm nhận trọng trách ở vùng đất biên cương xa triều đình. Tư chất thông minh, bản lĩnh quyết đoán, trong vai trò Tổng đốc An - Hà, Trương Minh Giảng đã nhận ra những việc cần sửa đổi, bổ khuyết nhằm phát triển vùng đất, bảo vệ vững chắc biên cương, an dân, hộ quốc.

Vai trò của Trương Minh Giảng trong củng cố hệ thống phòng thủ biên giới An - Hà thể hiện rõ trên ba đóng góp của ông: *một là*, hoạch định chính sách cho địa phương thông qua các đề xuất phù hợp với

quan điểm chiến lược của triều đình và tình hình thực tiễn của hai tỉnh An - Hà; *hai là* trực tiếp chỉ đạo các hoạt động củng cố hệ thống phòng thủ trên đất liền và biển đảo hai tỉnh An - Hà; *ba là*, góp phần triển khai sáng tạo các chính sách an dân nhằm củng cố thể trận an ninh quốc phòng khu vực biên giới. Có thể thấy, dù ở vai trò “thiết kế” hay triển khai thực hiện, ông cũng đều đặt mình trong tâm thế vì lợi ích của triều đình, lợi ích của dân. Vì thế, Trương Minh Giảng nhận được sự ủng hộ lớn từ cả triều đình lẫn nhân dân. Những đóng góp to lớn của ông có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hòa bình, ổn định ở biên giới Tây Nam giai đoạn 1834-1840. Đây cũng là một trong những giai đoạn hai tỉnh An Giang, Hà Tiên có sự tăng tiến nguồn nhân lực, mở rộng khẩn hoang, phát triển kinh tế, văn hóa.

Tư duy quản trị biên giới tích hợp quốc phòng - kinh tế - dân cư, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ với kiến tạo không gian phát triển của Trương Minh Giảng và thể hệ của ông đáp ứng những yêu cầu khách quan của lịch sử bấy giờ. Đồng thời, cũng để lại cho hậu thế những bài học quý báu trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền, quốc phòng an ninh biên giới thời hội nhập hiện nay.

Dấu ấn của Trương Minh Giảng đối với hệ thống phòng thủ biên giới không chỉ được triều đình nhà Nguyễn công nhận, vinh danh mà hậu thế mãi còn ngưỡng mộ.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ Đề tài mã số C2025-18b-03.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

NXB: Nhà xuất bản

TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Bài viết này là nghiên cứu khoa học độc lập của cá nhân tôi trong tất cả các công đoạn: thu thập tài liệu, sắp xếp ý tưởng, biên soạn và hoàn thành bài viết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam liệt truyện. vol. 3. Huế: NXB Thuận Hoá; 2005.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. vol. 3. Hà Nội: NXB Giáo dục; 2007.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. vol. 1. Hà Nội: NXB Giáo dục; 2002.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. vol. 4. Hà Nội: NXB Giáo dục; 2007.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam nhất thống chí. vol. 5. Huế: NXB Thuận Hoá; 2006.
6. Nội Các Triều Nguyễn. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ. vol. 10. Huế: NXB Thuận Hoá; 1993.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. vol. 5. Huế: NXB Thuận Hoá; 2007.

The Role of Governor Trương Minh Giảng in Consolidating the Defense System along the An-Hà Border Region (1833–1840)

Tran Thi Mai*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Trương Minh Giảng (1792–1841) was a prominent mandarin of the Nguyễn dynasty. In August Quý Tỵ year (1833), he was appointed by Emperor Minh Mạng as Minister of War (*Thượng thư Bộ Binh*) and concurrently as Governor-General of An Giang and Hà Tiên (*Tổng đốc An-Hà*), while also entrusted with the Imperial Seal of the Protectorate over Cambodia (*Bảo hộ Chân Lạp quốc ấn*). He retained these appointments until July Canh Tý year (1840), continuing to serve as Governor-General of An-Hà and Commander of Trấn Tây (*Trấn Tây tướng quân*), holding de facto authority over the imperial protectorate in Cambodia.

During his eight-year tenure in these two critical southwestern frontier provinces and the Trấn Tây region of Cambodia, Trương Minh Giảng advanced numerous sound and innovative recommendations aimed at restoring and firmly consolidating the border defense system in An Giang and Hà Tiên. His guiding principle of integrating the national defense consolidation with ensuring social stability and fostering livelihoods enabled him to effectively discharge his duties in local governance and border defense, while asserting the central court's political authority in diplomatic relations with Cambodia and Siam. Trương Minh Giảng's legacy in regarding the border defense system was not only acknowledged and honored by the Nguyễn court but also commands the enduring admiration of posterity.

Adopting a historical approach and utilizing historical and logical methods, combined with analysis, synthesis, and historical evaluation, this article draws upon primary sources from major Nguyễn Dynasty chronicles. It aims to elucidate the three key issues: (1) Trương Minh Giảng's proposals for consolidating the strategic position of An-Hà, (2) his role in fortifying the An-Hà border defense system during the 1833-1840 period, and (3) his role in stabilizing the security and national defense posture in the An-Hà borderland (1833-1840).

Key words: Trương Minh Giảng, Governor-General of An-Hà, An Giang-Hà Tiên border defense

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Tran Thi Mai, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: tranthimai@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 19-09-2025
- Revised: 21-10-2025
- Accepted: 25-05-2026
- Published Online: 28-09-2026

DOI : <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i3.1247>



Copyright

© VNUHCM Journal . This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Cite this article : Mai T T. The Role of Governor Trương Minh Giảng in Consolidating the Defense System along the An-Hà Border Region (1833–1840). *VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit.* 2026;10(3):4117-4126.